

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN UMT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2022

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UMT, TỈNH KIÊN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Khởi

2. Ông Lê Hoàng Vũ

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện UMT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT: Không thuộc trường hợp
Viện kiểm sát tham gia.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UMT
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2022/TLST-
HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1965 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh T, xã Vĩnh H, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/12/2021 và các lời khai tại Tòa
án nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V trình bày:***

Vào năm 1984 ông V và bà C được sự thống nhất của gia đình 02 bên có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến nay được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bà C đi viếng núi ông Cẩm, ông V tai nạn giao thông, vẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, đến năm 2012 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nếu hôn nhân càng kéo dài, thì càng trở nên trầm trọng hơn và làm khổ cho cả hai.

Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, ông V yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con gái nuôi tên Nguyễn Hồng T, sinh năm 1993 đã trưởng thành, hiện nay đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 20/6/2022 và các lời khai tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Vào năm 1984 bà và ông V được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý, cóp tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương, không có đăng ký kết hôn. Khi ông V bị tai nạn giao thông, bà vẫn quan tâm chăm sóc cho ông, mà ông trình bày vì ông bị tai nạn dẫn đến mâu thuẫn là không đúng, mà nguyên nhân là do bà bị bệnh bà phải đi núi Cẩm ở An Giang để trị bệnh, nhưng ông V không cho, từ đó mới phát sinh mâu thuẫn. Bà và ông V sống ly thân cách nay 07 năm. Nay ông V yêu cầu xin ly hôn, bà không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con gái nuôi tên Nguyễn Hồng T, sinh năm 1993 đã trưởng thành, hiện nay đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền*: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị C. Đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Thị C tự tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống tương đối hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà C bị bệnh phải đi núi Thiên Cẩm Sơn ở An Giang trị bệnh ông V không đồng ý từ đó ông V, bà C ly thân cho đến nay. Mặc dù ông V, bà C không có đăng ký kết hôn, nhưng theo quy định điểm a mục 1 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân gia đình quy định và mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2002/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2002 của TANDTC, VKSNDTC, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì các trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987 thì được Nhà nước khuyến khích đăng ký kết hôn mà không bắt buộc phải đăng ký kết hôn. Do đó ông V bà C không đăng ký kết hôn thì pháp luật vẫn công nhận họ là vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông V và bà C là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra ông, bà phải biết nhường nhịn lẫn nhau tạo điều kiện để hàn gắn gia đình để làm gương cho con cháu mới đúng, đằng này ông, bà lại sống ly thân nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên cho ông V được ly hôn với bà C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung, có 01 người con nuôi tên Nguyễn Hồng T, sinh năm 1993, giới tính nữ đã trưởng thành, hiện nay đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông V phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Ông V được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003214 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT. ông V không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a mục 1 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân gia đình. Mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2002/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2002 của TANDTC, VKSNDTC, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Cho ông Nguyễn Hoàng V được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, có 01 người con nuôi tên Nguyễn Hồng T, sinh năm 1993, giới tính nữ đã trưởng thành, hiện nay đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Nguyễn Hoàng V phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Ông V được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003214 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT. ông V không phải nộp thêm.

Báo cho ông Nguyễn Hoàng V, bà Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H. UMT;
- Chi cục Thi hành án DS H. UMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Lợi